

VĂN DU KÝ VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX – NHỮNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG*

Văn du ký ở Việt Nam có một lịch sử riêng gắn với đặc điểm của mỗi thời kỳ. Gần hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, theo các nhà nghiên cứu dự báo là thời kỳ “lên ngôi” của văn du ký. Quả thật, hàng loạt các du ký đã ra đời trong thời gian gần đây, thu hút sự quan tâm của độc giả cũng như các nhà nghiên cứu đối với thể loại văn học này. Trong phạm vi bài viết này, tác giả khái quát về tình hình nghiên cứu về văn du ký nửa đầu thế kỷ XX của các nhà nghiên cứu cùng thời và từ sau năm 1986 đến nay.

Từ khóa: văn du ký nửa đầu thế kỷ XX, nghiên cứu văn du ký, truyền thống, hiện đại

Nhận bài ngày: 10/10/2018; đưa vào biên tập: 13/10/2018; phản biện: 16/10/2018; duyệt đăng: 25/10/2018

1. DẪN NHẬP

Trong vài thập niên gần đây, thể loại văn du ký xuất hiện ngày càng phổ biến trên diễn đàn văn học. Nhiều thiên du ký đương đại đã in thành sách, một số khác được công bố trên blog cá nhân. Nội dung của các thiên du ký này chủ yếu vẫn theo tinh thần đi du lịch, nhìn người rồi quay lại nhìn ta, một nhu cầu đổi mới văn hóa xã hội, mà theo nghiên cứu của chúng tôi, đã được khơi dậy từ văn du ký nửa đầu thế kỷ XX.

Niculin, nhà Việt Nam học người Nga, từ góc nhìn của một người châu Âu, qua nghiên cứu *Sách sổ sang chép*

các việc của Philipphê Bình từ thế kỷ XVIII, đã rất nhạy bén nhận ra nét độc đáo có tính hiện đại, thoát ly truyền thống phương Đông trong thể loại du ký: “Philipphê Bình, với tư cách là nhân vật trong cuốn sách của mình, cuốn sách có tính chất tự liệu, hiện thực, nhưng đồng thời cũng trải qua quá trình chỉnh lý văn học, thông qua quan điểm, chính kiến, thị hiếu của tác giả, đã vượt ra khỏi phạm vi địa lý của đất nước quê hương... Chỉ riêng một điều, ở vào vị trí trung tâm của cuốn sách, tác giả kể lại một cách hết sức tự nhiên về bản thân đã là một sự khước từ truyền thống: “Tôi là thầy cả Philip Bình...” – cuốn sách mở đầu như vậy” (Niculin N.I, 1999: 90). Nhà nghiên cứu muốn so sánh cái tôi của Philipphê Bình với truyền thống văn hóa cộng

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

đồng, coi nhẹ cái con người cá nhân của văn hóa Việt Nam. Tuy được viết từ thế kỷ XVIII song *Sách sổ sang chép các việc* - một áng văn du ký độc đáo bằng tiếng Việt ròng - đã báo trước sự xuất hiện những nét hiện đại của văn du ký thế kỷ XX. Nhận xét của Niculin là gợi ý quý báu để các nhà nghiên cứu triển khai phân tích văn du ký trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Văn học Việt Nam những năm gần đây đã chứng kiến sự lên ngôi của du ký và tạp văn: “Chúng ta thấy trào lưu sách viết về du ký đang trở lại với những tác phẩm của Phan Việt, Di Li, Dương Thụy, Phương Mai...” (Lê Thiếu Nhơn, 2014). Và theo ông: “rất nhiều nhà nghiên cứu văn hóa trên thế giới đã dự đoán thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của văn học tự sự không dùng trí tưởng tượng, không hư cấu. Du ký là một trong những thể loại đó. Du ký là thể loại được viết từ trải nghiệm, suy ngẫm của người viết về cảnh vật, sự việc, thể thái nhân tình” (Lê Thiếu Nhơn, 2014). Nhận xét này phản ánh đúng thực tế văn học Việt Nam những năm gần đây, cho thấy sức sống tiềm tàng của văn du ký. Điều này đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu hiện nay quan tâm nghiên cứu thể loại văn học này. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi khái quát lại một số công trình nghiên cứu từ những năm đầu thế kỷ XX đến năm 1945 và từ năm 1975 đến nay đối với văn học du ký nửa đầu thế kỷ XX.

2. NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI (NỬA ĐẦU

THẾ KỶ XX) BÀN VỀ DU KÝ THỜI KỶ NÀY

Trước Cách mạng tháng Tám đã có một số bài viết có nội dung ít nhiều liên quan đến phê bình văn du ký, như trên *Phụ nữ tân văn* có đoạn văn giới thiệu du ký của Phạm Văn Anh (1929), hay Phan Khôi (1932) viết về sự thiếu chân thực của những điều tưởng như là tai nghe mắt thấy của một số áng văn du ký đương thời. Trên *Tri tân* (1942), Trần Huy Bá đã bóc bạch rằng năm 1941 ông viết văn du ký kể về hồ Ba Bể nhưng chưa hề đến đó, mặc dù người đọc có cảm tưởng đây là điều tác giả mắt thấy tai nghe. Mấy bài viết tản mạn đó đều tập trung nói nhiều về tính chân thực của văn du ký, một vấn đề mà hiện nay giới nghiên cứu vẫn rất quan tâm.

Cũng liên quan ít nhiều đến văn du ký, Phan Khôi đã bàn về vai trò của thể văn nhật ký trong văn học hiện đại. Ông viết: “Có người luận về văn nhật ký đã nói như vậy: Nội các thể văn chỉ có nhật ký là thiệt thà hơn hết, chắc chắn hơn hết; cái thú vị của nó ở trong chỗ đó mà ra. Xem các thể văn khác chưa chắc biết đúng tánh tình của tác giả, chớ xem nhật ký của ai thì biết đúng tánh tình của nấy. Bởi vì làm thi, làm tiểu thuyết, làm kịch bản là để cho người thứ ba đọc, cho nên phải dồi mài gò gắm hết sức, e khi dồi mài gò gắm quá rồi đến nỗi sai với chơn tình của người làm. Còn xịch độc (thơ tín) là để cho người thứ hai coi, sự dồi mài gò gắm có bớt đi, nhưng cũng chưa dứt hẳn. Đến chép

nhật ký là để cho chính mình coi, mình có trong bụng làm sao, ắt phải viết ra mà nói với mình làm vậy, không cần dò mòi gò gẫm làm chi, tự nhiên phải giữ được cái tánh tình thật mà khỏi mất. Hễ cái gì đã là chọn thật thì phải có thú vị” (dẫn theo Lại Nguyên Ân, 1932).

Chúng ta dễ nhận thấy, thể văn nhật ký được dùng rất phổ biến trong văn du ký, tuy nhật ký không phải là du ký nhưng du ký thường là nhật ký, nên nói về nhật ký là gợi ý suy nghĩ về du ký như một thể loại văn xuôi riêng của văn học hiện đại. Trên thực tế, hầu hết các tác phẩm du ký nửa đầu thế kỷ XX được viết dưới dạng nhật ký. Bàn về nhật ký cũng là gián tiếp bàn đến tính chân thực của tự sự và vấn đề bộc lộ chủ thể trong văn du ký.

Cùng với luận bàn về văn du ký, thời kỳ này luận bàn về du lịch cũng được xem là sự đánh giá gián tiếp về văn du ký của các nhà nghiên cứu.

Có nhiều ý kiến cho rằng, việc đi du lịch còn có những lợi ích to lớn mở mang tầm hiểu biết. Tác giả Viên Hồng, nhân nói về văn hóa Mã Lai, viết như sau: “Phong dao ta có câu: ‘Đi một bước đường, học một sàng khôn’, cái câu ấy tuy nó cũ mèm, tự đời xưa truyền lại, nhưng nó rất ứng dụng với thời đại bây giờ. Ở chung quanh xứ ta, hay ở khắp thế giới, hãy còn biết bao nhiêu là phong cảnh nhơn vật xinh đẹp lạ lùng, đáng cho ta thấy biết để mở tầm con mắt và bồi bổ óc khôn cho ta rộng lớn mãi ra? Có biết người biết ta rồi mới có thể so

sánh mà biết ai hay ai dở, hễ có so sánh biết ai hay ai dở rồi thì mới có cạnh tranh mà tiến bộ được. Ở các nước văn minh giàu có chẳng những người lớn rất ham du lịch xứ người, dầu tốn hao nguy hiểm thế nào cũng chẳng quản, mà họ lại còn khuyến khích nông nả cho bạn thiếu niên đi du lịch nữa” (*Phụ nữ tân văn*, số 114, ngày 24/12/1931). Bài viết nói đến nhu cầu khám phá, tìm hiểu thế giới rộng lớn xung quanh đất nước ta, đặc biệt là cần thiết phải đi để có được cái nhìn so sánh giữa ta và người thì mới có tinh thần cạnh tranh cho tiến bộ. Du lịch gắn với tinh thần phát triển nên cần khuyến khích thanh niên đi du lịch. Đây là quan điểm tiến bộ về du lịch.

Trên *Tri tân* năm 1941, nhận xét về tùy bút lãng du của Nguyễn Tuân, Vũ Văn Lợi (1941) viết: “Chính ông Nguyễn Tuân nhận rằng ‘bệnh du lịch’ đã truyền vào người ông không phải ở phía mẹ mà ở phía cha. Nhưng không phải ai đi du lịch cũng được đâu: dư thì giờ chưa đủ, phải thềm đi nữa! Biết bao kẻ thật là giàu có, mà suốt đời có biết đó biết, đây là cái gì đâu. Trái lại, nhiều người còn thềm đi hơn ông Nguyễn Tuân nữa kia mà rút cục phải chôn chân một chỗ, sống trong một cuộc đời mòn chờ đợi một cái gì mới mẻ, mà than ôi không bao giờ thấy đến! Nguyên nhân? chỉ vì trong tay không sẵn đồng tiền. Thế mà ngày xưa đã có người dám nói rằng tiền bạc không tạo nên được hạnh phúc... Có người đi xa vì sinh kế bắt buộc, có kẻ đi xa du học, để cầu chút công danh; cũng có khi đi

xa để mưu cuộc hòa bình cho thế giới. Nhưng ‘đi’ đối với tác giả ‘là hình thức tốt đẹp nhất của thoát ly’. Thoát ly khỏi cái tẻ mẫn của cuộc sống hàng ngày; khỏi phiền phức của sự an bài, để trốn cái trơ trẽn của người cũ” (*Tri tân*, số 10). Bài viết chú ý đến các động cơ khác nhau của việc đi xa, nhấn mạnh khía cạnh lãng mạn, chủ nghĩa cá nhân của việc đi du lịch, gợi ý cho chúng ta ngày nay suy nghĩ về sự thay đổi trong cái nhìn về sự đi xa của con người ở nửa đầu thế kỷ XX, thể hiện sự ràng buộc của gia đình truyền thống đang dần bị nói lỏng.

Về một trong những ngọn nguồn ảnh hưởng đến văn du ký ở nước ta, trên *Nam Phong*, số 198, 199, 200 năm 1934, Mộng Tuyết cho rằng đó là nhờ có các tác phẩm *Tê lê mặc phiêu lưu ký* và tác phẩm của Alain Gerbault. Chúng ta biết rằng *Tê lê mặc phiêu lưu ký* được đưa vào Việt Nam qua các bản dịch khác nhau, đầu tiên là bản dịch thơ lục bát của Trương Minh Ký in trên *Gia Định báo* năm 1885, đến 1887 thì in thành sách. Bản dịch bằng văn xuôi do Nguyễn Văn Vĩnh thực hiện sau này được in vào năm 1927. Còn Alain Gerbault (1893-1941) là nhà thám hiểm, một mình điều khiển thuyền buồm đi vòng quanh thế giới và lên một số hòn đảo, tìm hiểu và viết về lối sống của cư dân trên các hòn đảo đó. Mộng Tuyết nhắc đến điều này khi đi ra đảo Phú Quốc, có hàm ý đây là một cuộc đi có sắc thái thám hiểm ra đảo. Từ cái nhìn của một người đương thời, người trong

cuộc, cho thấy trong những nhân tố như việc xuất hiện văn học phiêu lưu, óc ham thám hiểm khám phá của phương Tây đã ảnh hưởng đến văn học Việt Nam hiện đại, trong đó có du ký. Tinh thần phiêu lưu, mạo hiểm và con người cá nhân trong tiểu thuyết *Robinson Crusoe* dường như phảng phất trong “nhà mạo hiểm như ông An Tiêm” của “phiêu lưu tiểu thuyết”⁽¹⁾ *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (được giải thưởng Hội Khai trí Tiến đức năm 1925) rồi được đăng nhiều kỳ trên *Nam Phong* năm 1926.

Một số bài viết có liên quan với đề tài văn du ký nửa đầu thế kỷ XX đã gián tiếp hoặc trực tiếp đề cập đến mảng văn du ký của tác giả nữ và vấn đề phụ nữ du lịch. Trong bài *Lịch trình tiến hóa của văn học phụ nữ ta* in trên *Tri tân* (1943), Hoa Bằng điểm các tác giả nữ Tương Phố Đỗ Thị Đàm với *Giọt lệ thu* (1928), tiếp theo là Đàm Phương nữ sử, Huỳnh Thị Bảo Hòa trên *Tiếng Dân*, Vân Anh trên *Phụ nữ tân văn*, cho thấy nhà phê bình đã có chú ý đến mảng văn du ký của họ (*Tri tân*, số 112). Trước đó cả chục năm, *Phụ nữ tân văn* (số 264 năm 1934), có bài *Con gái đi xa*, bộc lộ quan điểm mới về phụ nữ và du lịch. Bài viết cho hay, mục đích của cô Nguyễn Thị Kiêm đi từ Sài Gòn ra Hà Nội nhằm cổ động cho *Phụ nữ tân văn* và diễn thuyết ở Hội Khai trí Tiến Đức. Điểm lại dư luận ồn ào chê cô Kiêm là con gái đi xa không biết có giữ được phẩm giá không, tác giả viết: “Nhiều ông trong báo giới không bỏ qua dịp nào là

không binh vực cho đạo đức và luân lý. Thấy cô Nguyễn Thị Kiêm là một thiếu nữ phải đi xa, tuy rằng cùng đi với cha, các ông lo sợ không biết cô ấy có kiên tâm mà giữ nổi phẩm giá của mình hay không? Thậm chí có mấy người đến báo quán phàn nàn rằng: “Con gái sao lại đi xa như vậy, tôi không phục”. Theo ý tôi, bao nhiêu dư luận về việc cô Nguyễn Thị Kiêm ra Bắc đủ chứng rằng: nền luân lý, gốc đạo đức của nước nhà vẫn còn có người binh vực rất sốt sắng! Nhưng có lẽ các ông sốt sắng thái quá. Đối với một người phụ nữ đứng ở chỗ công chúng mà bày tỏ ý kiến của mình, tôi tưởng các nhà ngôn luận đều có quyền phê bình vì những ý kiến ấy sẽ có ảnh hưởng trong dân gian. Thế mà lạ, ít có ai xét coi tư tưởng của cô Kiêm và cô Nga chánh đáng hay là không, việc cổ động của hai cô có lợi hay là hại cho cuộc vận động của toàn thể nữ giới. Đó là những điều quan hệ mà hình như các nhà đạo đức không cần. Các ông chỉ để tâm vào những việc thuộc về luân lý cá nhân... Đời nay, dầu là con gái hay con trai đều có thể đi xa để hoặc là học hành, hoặc là sanh kế hoặc là làm một công việc gì có ích cho nhân quần xã hội. Điều cốt yếu là chúng ta phải tránh sự chỉ trích vô bằng, sự áp bức phụ nữ. Nghĩa là chúng ta không nên vô cớ nói xấu, hay là đặt cho đàn bà vào một cái khuôn khổ luân lý riêng nghiêm khắc với họ mà quên nghiêm khắc với đàn ông”. Nguyễn Thị Kiêm chính là tác giả của thiên du ký *Dọc đường: cuộc*

hành trình từ Nam ra Bắc (Phụ nữ tân văn, số 264, ngày 25/10/1934), kể về chuyến đi dài ngày từ Nam Bộ ra Hà Nội, Hải Phòng để quảng bá cho tư tưởng nữ quyền. Từ trước Cách mạng tháng Tám, nói về văn du ký, người ta đã bàn đến một vài nội dung của du lịch, văn du ký có quan hệ với nữ quyền. Vì phụ nữ đi xa nhà là điều rất hiếm thấy, không được khuyến khích trong văn hóa Việt Nam trung đại. Người phụ nữ lý tưởng thời trung đại là mẫu người “khuê các”, “bên khung cửi”, tề gia nội trợ.

Ở miền Nam, có một số quan sát về văn du ký nhưng chưa phải là những nghiên cứu chuyên sâu. Ví dụ, Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, viết về Phạm Quỳnh đã có hẳn một chuyên mục “nhà du ký” dài hơn 3 trang sách. Phạm Thế Ngũ (1963: 190) nhận xét: “Phạm Quỳnh còn mở đường cho một loại văn sau thành một thời ấy, là loại du ký... Văn du ký của ông cũng thường thiên về khảo luận... Mặc dầu vậy nó cũng giúp ta nhận định được ít nhiều nét thâm thiết về con người tác giả. Những thiên du ký của ông tuy nhiều khi thiên về khảo luận nhưng không khô khan. Ông biết thuật chuyện có duyên, biết điểm vào những đoạn tả cảnh xinh tươi, nhất là biết khéo sử dụng một lời văn thanh thoát trang nhã”. Điều đáng chú ý là Phạm Thế Ngũ đã dõi theo sự biến chuyển của văn du ký Phạm Quỳnh qua thời gian, tuổi tác. Những áng văn du ký tuổi trẻ (đăng trước 1925) của

Phạm Quỳnh còn bông bột, sính làm văn chương, song sau 1925, ngòi bút Phạm Quỳnh đã giản dị, chuẩn xác hơn, không hoa mỹ màu mè. Riêng *Pháp du hành trình nhật ký* được Phạm Thế Ngũ đánh giá cao. Nhà nghiên cứu đã nhận xét rất trúng, rất sắc sảo về cuộc tiếp xúc văn hóa văn minh Đông Tây, tâm lý tự ti đồng thời với tự kiêu, về các giọng điệu đa dạng khi nhục nhã, khi than thở, khi bông lơn cười cợt và “điều đáng chú ý là chính trong thiên du ký này Phạm Quỳnh đã nói về ông nhiều hơn cả” (Phạm Thế Ngũ, 1963, tái bản 1996 : 192). Như ta sẽ thấy, cái tôi, con người chủ thể chính là một nét đặc sắc mà du ký đóng góp cho công cuộc hiện đại hóa văn học, điều được giới nghiên cứu phương Tây và Việt Nam đồng loạt nhấn mạnh.

Tuy vào nửa đầu thế kỷ XX, việc phê bình văn du ký còn khá thừa thớt, mỏng mảnh nhưng nhiều vấn đề hiện đại của văn du ký đều đã được chạm đến, như: văn du ký và tính chân thực của nhật ký, về tính lợi ích của du lịch (gián tiếp nói về sự cần thiết của du ký, nhất là việc so sánh với văn hóa của người khác để mình tự thay đổi), về tính chất phiêu lưu, thám hiểm của du lịch mà văn du ký cần ghi nhận, về du ký và phụ nữ...

3. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ DU KÝ NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Giai đoạn từ 1945 đến 1975, Việt Nam trải qua hai cuộc chiến tranh khốc liệt. Từ 1975 đến 1986, giai đoạn trước

đổi mới, đất nước gặp nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế, du ký cũng như nghiên cứu về du ký tạm chững lại.

Trong thời kỳ đổi mới, giới nghiên cứu đã chuyển đổi điểm nhìn đối với văn học nửa đầu thế kỷ XX một cách toàn diện và đánh giá khách quan hơn những đóng góp của các dòng văn học, các tác giả, các thể loại khác nhau. Văn du ký bắt đầu được đặt dưới điểm nhìn của quá trình hiện đại hóa văn học. Trong công trình dành riêng cho vấn đề hiện đại hóa văn học trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX xuất bản năm 1999, nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn đã chú ý đến vị trí, ý nghĩa của thể loại ký như *bút ký, phóng sự, tùy bút, du ký...* Theo Vương Trí Nhàn (2005: 56), do sự ra đời hàng loạt tờ báo nên “mấy thể loại văn rất gần với báo, tồn tại trước tiên trên mặt báo như bút ký, du ký phóng sự lại tìm được điều kiện lý tưởng để nảy nở”. Vương Trí Nhàn lưu ý đến đóng góp của ký trong đó có du ký đối với việc làm mới hệ thống thể loại văn học hiện đại hóa: “nhấn mạnh đến những đảo lộn lớn lao đã đến qua sự có mặt của tiểu thuyết và của thơ là đúng. Song cũng không thể bỏ qua sự phát triển của ký sự, phóng sự, du ký, cụ thể là vai trò khởi động của nó. Hơn nữa, có một điều thú vị nên đặc biệt lưu ý: chính là nhờ có phóng sự ký sự, mà tiểu thuyết bớt đi tính cách vu vơ hão huyền” (Vương Trí Nhàn, 2005: 64). Chúng tôi quan tâm và sẽ tiếp tục triển khai ý tưởng này về vai trò của văn du ký đối với quá trình hiện đại hóa văn

học Việt Nam. Tuy vậy, cũng phải nói, do đối tượng chính đang được theo dõi là phóng sự nên những gì cụ thể về văn du ký chưa được ông triển khai.

Trong công trình xuất bản năm 2000 bàn về hiện đại hóa văn học Việt Nam, Mã Giang Lân khẳng định du ký là thể loại đầu tiên viết bằng quốc ngữ và cũng xem nó là một tiểu loại của thể loại bút ký. Ông có tư tưởng thống nhất với Vương Trí Nhàn về vai trò mở đầu của thể loại du ký trong công cuộc hiện đại hóa văn học nửa đầu thế kỷ XX.

Đó là một số nhận xét quan trọng nhưng còn quá vắn tắt của giới nghiên cứu về du ký trong các mốc thời gian khác nhau trước đây.

Chỉ trong khoảng hơn chục năm trở lại đây, văn du ký bắt đầu có sức hấp dẫn trở lại như một đối tượng của khoa nghiên cứu văn học và bắt đầu có những chuyên khảo lớn nhỏ dành riêng cho văn du ký.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Sơn có những đóng góp quan trọng trong việc phát lộ kho tàng văn du ký nửa đầu thế kỷ XX. Ông bắt đầu bằng việc biên tuyển các áng văn du ký trên *Nam Phong*, đánh thức sự chú ý của giới nghiên cứu phê bình đến giá trị nhiều mặt của mảng sáng tác này. Không những làm công việc sưu tầm, công bố tư liệu, Nguyễn Hữu Sơn còn viết hàng chục bài khảo cứu có giá trị về các mặt khác nhau của văn du ký giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX.

Trong bài viết giới thiệu tập *Du ký Việt Nam*, Nguyễn Hữu Sơn (2007: 3-18)

đã phân loại du ký trên *Nam Phong* ra 5 dòng khác nhau: đó là “dòng du ký mang tính quan phương, sự vụ, công vụ”; “dòng du ký viễn du-những chuyến du hành vượt biên giới”; “dòng du ký thiên về khảo cứu danh nhân lịch sử, truyền thuyết và sự tích liên quan tới một sự kiện cụ thể”; “dòng du ký hướng tới khảo sát, giới thiệu cả một vùng văn hóa rộng lớn”; “dòng du ký mà yếu tố ‘vị nghệ thuật’ chiếm phần quan trọng”. Ông nhấn mạnh sự phân loại chỉ tương đối và dù các tác phẩm có khác nhau thế nào chăng nữa thì du ký vẫn hướng về ĐI và XEM, đặt cược vào tính tích cực chủ thể. Nhận xét về tính chủ thể, tức cái tôi trong tự sự du ký của ông khá thống nhất với các quan điểm nghiên cứu du ký cả trong và ngoài nước, nói lên được tính hiện đại của du ký. Điểm riêng của Nguyễn Hữu Sơn là ông sử dụng khái niệm “thể tài” chứ không phải “thể loại” khi định danh bản chất thể loại của văn du ký.

Nguyễn Hữu Sơn có một nghiên cứu đề cập đến vai trò của du ký trong quá trình hiện đại hóa văn xuôi tiếng Việt, nói rộng ra, hiện đại hóa văn học Việt Nam. Trong bài viết này, Nguyễn Hữu Sơn đã nhấn mạnh cái tôi, tính tự thuật của người kể chuyện trong các áng văn du ký đi ra hải ngoại. Ông cho rằng cái “tôi” tác giả trong tư cách người kể chuyện phân thân trong nhiều vai trò, vị trí khác nhau.

Một bài viết gần đây của nhà nghiên cứu Đoàn Lê Giang đã trực tiếp đặt văn du ký vào quỹ đạo của quá trình

hiện đại hóa văn học Việt Nam. So sánh văn học Việt Nam và Nhật Bản, ông còn chỉ rõ, hiện đại hóa văn học tại các nước Đông Á cũng có một điểm gặp gỡ chung, đó là sự có mặt của du ký. Ông nhận xét: “Có ba hiện tượng văn học giống nhau ở hai nước, đó là sự xuất hiện của các du ký, sự bùng nổ của văn học dịch và sự ra đời của văn học duy tân - khai mông chủ nghĩa” (Đoàn Lê Giang, 2010).

4. KẾT LUẬN

Văn du ký ở Việt Nam có một lịch sử riêng. Khái niệm văn du ký có nội hàm rộng và có quan hệ với quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc, nhưng trong một thời gian khá dài, văn du ký chưa được giới nghiên cứu phê bình nước ta chú ý thích đáng. Chúng ta đã trải qua gần hai thập kỷ đầu của thế kỷ

XXI, là thời gian mà các nhà nghiên cứu dự báo là thời kỳ “lên ngôi” của văn du ký. Thực tế, hàng loạt các du ký đã ra đời sẽ tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu về du ký trong thời gian tới.

Có thể phân chia văn du ký thành một số thời kỳ khá rõ ràng với những đặc điểm riêng. Văn du ký nửa đầu thế kỷ XX có nhiều điểm khác với du ký truyền thống, nguyên nhân cơ bản bởi đây là văn du ký hiện đại của kiểu tác giả mới, diễn tả tư tưởng và cảm xúc mới của lớp người sống trong môi trường xã hội khác thời trung đại; đồng thời tiếp nhận những ảnh hưởng văn học phương Tây. Chính vì vậy, du ký thời kỳ này đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu trước đây cũng như hiện nay quan tâm luận bàn. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Những từ để trong dấu ngoặc kép là từ dùng của tác giả Nguyễn Trọng Thuật trong Bài tựa đề trước *Quả dưa đỏ* in trên *Nam Phong* số 103, tháng 3/1926.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Lại Nguyên Ân. 2010. *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1932*, <http://lainguyenan.free.fr/pk1932/index.html>, truy cập ngày 20/16/2018.
2. Lê Thiếu Nhơn. 2014. “*Năm 2013, du ký và tạp văn lên ngôi*”, <http://www.baodanang.vn/channel/5433/201401/nam-2013-du-ky-va-tap-van-len-ngoi-2300749/>, ngày 13/1/2014, truy cập ngày 25/8/2018.
3. Đoàn Lê Giang. 2010. “Con đường hiện đại hóa văn học của các nước khu vực chữ Hán (qua tư liệu văn học Việt Nam và Nhật Bản)”, trong kỷ yếu hội thảo *Quá trình hiện đại hóa văn học Nhật Bản và các nước khu vực văn hóa chữ Hán: Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>, truy cập ngày 2/6/2017.
4. Hoa Bằng. 1943. “Lịch trình tiến hóa của văn học phụ nữ ta”. *Tri tân*, số 112.
5. Mã Giang Lân. 2000. *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900-1945*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.

6. Mộng Tuyết. 1934. “Chơi Phú quốc”. *Nam Phong*, số 198, 199, 200.
7. *Nam Phong* số 103, tháng 3/1926.
8. Nguyễn Hữu Sơn. 2007. *Du ký Việt Nam - Tạp chí Nam Phong 1917-1934*. TP HCM: Nxb. Trẻ.
9. Nguyễn Hữu Sơn. 2011. “*Du ký của người Việt Nam viết về các nước và những đóng góp vào quá trình hiện đại hóa văn xuôi tiếng Việt giai đoạn thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*”, trong Đoàn Lê Giang (chủ biên). 2011. *Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh*. TP HCM: Nxb. TP HCM.
10. Niculin, N.I. 1999. “Những sáng tác về các chuyến viễn du”, Trần Hồng Vân dịch, trong *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*. Hà Nội: Viện Văn học.
11. Phạm Thế Ngũ. 1963. “Việt Nam văn học sử giản ước tân biên”. Sài Gòn: Quốc học tùng thư Sài Gòn xuất bản, trong *Văn học hiện đại 1862-1945*, tập III. Đồng Tháp: Nxb. Đồng Tháp tái bản năm 1996.
12. Phan Khôi. 1932. “Một lối văn mà xứ ta chưa có: nhật ký”. *Phụ nữ tân văn* (132), dẫn theo Lại Nguyên Ân. 2010. *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1932*, <http://lainguyenan.free.fr/pk1932/index.html>, truy cập ngày 20/16/2018.
13. *Phụ nữ tân văn*, số 114, ngày 24/12/1931.
14. *Phụ nữ tân văn*, số 264, ngày 25/10/1934.
15. Vũ Văn Lợi. 1941. “Tùy bút hay là thi vị cuộc sống”. *Tri tân*, số 10.
16. Vương Trí Nhàn. 2005. *Nhà văn tiền chiến và quá trình hiện đại hóa trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX cho tới 1945*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.